

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-PT

Ngày 31 – 7 - 2020

“V/V chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Phấn

*Các Thẩm phán:* Ông Vi Văn Chắt

Ông Nguyễn Anh Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2020/TLPT-DS ngày 24/3/2020 về “Tranh chấp chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2020/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân D, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2020/QĐPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Tr , sinh năm 1981. Trú quán: Khối Bắc, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Ngũ Hồng H , sinh năm 1964. Trú tại: Số nhà 23, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Người được anh Ngũ Hồng H ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Gi sinh năm 1983. Trú tại: Khối 01, thị trấn D, huyện D, Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H : Ông Nguyễn Hữu S , luật sư Công ty luật V – Đoàn luật sư Nghệ An. Có mặt.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Vợ chồng ông Ngũ Duy S , sinh năm 1959 và bà Trần Thị L , sinh năm 1962. Địa chỉ: Xóm 2, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Ông S có mặt; bà L vắng mặt.

2. Vợ chồng anh Ngũ Duy H , sinh năm 1973 và chị Đậu Thị Ph , sinh năm 1976. Địa chỉ: Xóm 3, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Anh H có mặt; chị Ph vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Trung Th , sinh năm 1972: Địa chỉ: Xóm Phú Xuân, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4. Văn phòng Công chứng v. Địa chỉ: Khối 3, thị trấn D, huyện D, Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị U – Trưởng Văn phòng. Đề nghị vắng mặt

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Ngũ Hồng H , người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Ngũ Duy H và anh Nguyễn Trung Th .

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2016, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm chị Phan Thị Tr trình bày: Chị Phan Thị Tr và anh Ngũ Hồng Hkết hôn với nhau ngày 9/4/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và hai người sống ly thân từ tháng 01/2016 cho tới nay. Hiện tại anh H đang sinh sống tại tỉnh Quảng Ninh, còn mẹ con chị Trsinh sống tại Nghệ An.

Trong quá trình chung sống với nhau, vợ chồng tạo lập được một số tài sản chung cụ thể như sau: Xây một căn nhà cấp bốn, ba gian làm năm 2012, khi làm trị giá 100.000.000 đồng xây dựng trên đất của vợ chồng, tại thửa số 901 tờ bản đồ số 03 có diện tích 75m<sup>2</sup> tại khối Bắc, xã D, h D, Nghệ An. Giá đất ở theo theo khung nhà nước 7.000.000 đồng/m<sup>2</sup> đất ở; Thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 03 diện tích 239m<sup>2</sup>, tại xóm Trung Hồng, xã D, hD theo khung giá nhà nước là 800.000 đồng/m<sup>2</sup> đất ở; Thửa số 789 tờ bản đồ số 04, có diện tích 283m<sup>2</sup>, tại xã D, h D , Nghệ An, theo khung giá nhà nước là 800.000 đồng/m<sup>2</sup>; Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 1.042.600.000 đồng.

Nay vợ chồng sống ly thân nhau, anh Ngũ Hồng Hkhóa cửa không cho chị Trở trong nhà. Hiện tại anh Ngũ Hồng Hđang cư trú và sinh sống tại thành phố Móng Cái, Quảng Ninh. Để đảm bảo cuộc sống cho hai mẹ con, chị Trđề nghị Tòa án nhân dân D chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng để mẹ con chị Trcó tài sản sử dụng, ổn định cuộc sống và đề nghị chia cho anh H sử dụng, sở hữu thửa đất 901, tờ bản đồ số 03 diện tích 75m<sup>2</sup>, tại khối Bắc, xã D, huyện D cùng với tài sản trên đất có giá trị nhiều hơn, anh H không phải trích chênh lệch trị giá cho chị Tr .

Anh Ngũ Hồng Htrình bày: Anh và chị Phan Thị Tr là vợ chồng, hiện nay chưa ly hôn. Tài sản chung của vợ chồng có những tài sản chung sau đây:

Vợ chồng mua một thửa đất số 1371 tờ bản đồ số 03 tại xóm Trung Hồng, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An và thửa đất số 789 tờ bản đồ số 04 tại xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Về nợ chung của vợ chồng: Ngày 01/2/2012 anh H vay của anh Nguyễn Trung Th, xóm Phú Xuân, xã D, huyện Y, tỉnh Nghệ An số tiền 650.000.000 đồng (để mua đất, anh H đã trả được 200.000.000 đồng còn thiếu 450.000.000 đồng).

Ngày 30/5/2012 anh H vay tiếp của anh Thành số tiền 400.000.000 đồng, hiện nay chưa trả. Ngoài ra vợ chồng không vay nợ ai.

Riêng căn nhà và thửa đất tại khối Bắc, xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu là của vợ chồng anh Ngũ Duy S và chị Trần Thị L (Anh trai, chị dâu anh H) cho vợ chồng mượn để làm nơi ở, không phải của vợ chồng.

Anh H yêu cầu khi chia đề nghị Tòa án xem xét công sức đóng góp trong việc tạo dựng tài sản chung của vợ chồng trong quá trình chia tài sản, anh có đóng góp công sức nhiều hơn chị Tr trong việc tạo dựng tài sản chung vợ chồng.

Ông Ngũ Duy S trình bày: Ông có một thửa đất số 901, tờ bản đồ số 3, địa chỉ, khối Bắc, xã D, huyện D, Nghệ An mang tên vợ chồng ông. Vợ chồng ông chưa bao giờ chuyển nhượng, tặng, cho bất cứ ai. Tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/11/2013 giữa vợ chồng ông và vợ chồng anh H và chị Tr. Chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng là của ông S còn dấu vân tay điểm chỉ không phải ngón trỏ phải của ông vì ngón này của ông không điểm chỉ được. Ông yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Phan Thị Tr và anh Ngũ Hồng H và trả lại đất cho gia đình ông. Ngày 08/01/2018 ông Ngũ Duy S khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện D cấp cho anh Ngũ Hồng H và chị Phan Thị Tr.

Bà Trần Thị L trình bày: Bà thống nhất như ý kiến của ông S, bà L xác định, chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là của bà L, nhưng việc này là do chị Phan Thị Tr lừa đem đến cho bà ký. Bà yêu cầu chị Tr, anh H trả lại đất cho gia đình bà.

Bà Nguyễn Thị U n – Trưởng Văn phòng công chứng số V tỉnh Nghệ An trình bày: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 25/11/2013, được công chứng ngày 26/11/2013, số công chứng 3968, quyền số 03-TP-CC- SCC/HĐGD giữa vợ chồng ông Ngũ Duy S và bà Trần Thị L chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Ngũ Hồng H và bà Phan Thị Tr là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Việc chuyển nhượng thửa đất số 901, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Khối Bắc, xã D, huyện D, Nghệ An, diện tích 75m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn 75m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng đất lâu dài. Tại thời điểm chuyển nhượng thửa đất nêu trên không có tranh chấp, các bên tự nguyện giao kết hợp đồng, các bên tham gia hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo đúng quy định pháp luật. Trong hợp đồng chuyển nhượng nói trên chỉ có vài lỗi kỹ thuật đánh máy nhưng không ảnh hưởng đến nội dung bản hợp đồng. Chữ ký trong hợp đồng và điểm chỉ của anh S và chị L là hoàn toàn đúng. Như vậy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là

hoàn toàn đúng quy định của pháp luật và việc công chứng đúng theo trình tự thủ tục do pháp luật quy định và thực hiện công chứng tại văn phòng công chứng số 2 có đầy đủ cả 4 người tham gia cùng ký vào hợp đồng.

Anh Nguyễn Trung Th trình bày: Năm 2012, anh Th cho anh Ngũ Hồng H vay tiền hai lần; lần một vay 650.000.000 đồng, lần hai anh H vay 400.000.000 đồng tổng cộng hai lần là 1.050.000.000 đồng. Ngày 30/8/2012 anh H trả nợ được 200.000.000 đồng còn lại 850.000.000 đồng nay chị Tr và anh H chia tài sản chung anh Thành yêu cầu anh H có nghĩa vụ trả nợ cho anh 850.000.000 đồng, anh Thành không yêu cầu chị Tr phải trả.

Vợ chồng anh Ngũ Duy H và bà Đậu Thị Ph trình bày: Vợ chồng anh H, chị Ph mượn đất của anh Ngũ Hồng H thửa đất số 789 tại xã D, khi mượn không có ý kiến của chị Tr, tài sản trên đất là của vợ chồng anh H và chị Ph tạo lập và xây dựng trị giá 187.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn Q t trình bày: Thửa đất số 1371 tờ bản đồ số 03 tại xóm Trung Hồng, xã D, chị Tr cho anh Nguyễn Văn Q mượn hiện nay anh Q t đã giao trả đầy đủ cho chị Phan Thị Tr và không có điều kiện gì, anh từ chối tham gia phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2020/DS-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân D, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Áp dụng Điều 26, 35; khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 28, 33, 38, 39 Luật Hôn nhân và gia đình (2015). Xử:

1- Giao cho chị Phan Thị Tr được quyền sử dụng 239m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 1371 tại xóm Trung Hồng, xã D, h D trị giá 286.800.000 đồng cụ thể thửa đất như sau: Phía Tây giáp đường giao thông nông thôn, có chiều rộng 7,5m; Phía Nam giáp đất nhà anh Song có chiều dài 31,9m; Phía bắc giáp đất nhà anh Năm có chiều dài 31,9m; Phía đông giáp đất nhà ông Sáu có chiều rộng là 7,5m

Và giao cho chị Phan Thị Tr thửa đất số 789 tờ bản đồ số 04 có diện tích 283m<sup>2</sup> tại xã D, huyện D, Nghệ An trị giá 283.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chị Tr được hưởng là 569.800.000 đồng. Phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể như sau: Phía tây giáp đường giao thông nông thôn, có chiều rộng 8m; Phía Nam giáp đất nhà ông B có chiều dài 30m; Phía bắc giáp đường giao thông nông thôn, có chiều rộng 28,5m; Phía đông giáp đất nông nghiệp có chiều rộng là 9,5m

Chị Phan Thị Tr có nghĩa vụ giao lại 24.968.000 đồng giá tài sản trên thửa đất số 789 tại xã D, huyện d, tỉnh Nghệ An cho anh Ngũ Duy H và chị Đậu Thị Ph.

Anh Ngũ Duy H và chị Đậu Thị Ph được nhận từ Chị Phan Thị Tr 24.968.000 đồng giá tài sản trên thửa đất số 789 tại xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

2. Giao cho anh Ngũ Hồng H quyền sử dụng 171m<sup>2</sup> đất ở tại thửa 901 tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất khối Bắc, xã D, huyện D trong đó có 75m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tạm giao 96m<sup>2</sup> đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (96m<sup>2</sup> đất nằm trong hành lang giao thông) và giao toàn bộ nhà và

tài sản trên đất thửa 901 cho anh Ngũ Hồng H . Tổng giá trị tài sản anh được hưởng là 815.560.560 đồng. Thửa đất cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đất nhà anh Nguyễn Sỹ H có chiều dài 35,72m; Phía Nam giáp nhà anh Đậu Văn Th có chiều dài 36,1m; Phía Tây giáp đường Quốc lộ 1A có chiều rộng là 4,64m; Phía Đông giáp đất UBND xã Đcó chiều rộng là 4,93m

Bác yêu cầu của anh Ngũ Hồng Hyêu cầu chị Phan Thị Tr phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Nguyễn Trung Th .

Bác yêu cầu của anh Ngũ Duy S và bà Trần Thị L đòi lại quyền sử dụng đất tại thửa 901 tại khối Bắc, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Bản án còn tuyên quyền thi hành án dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/3/2020, anh Ngũ Hồng Hkháng cáo với nội dung:

- Phiên tòa ngày 17/01/2020, anh không nhận được giấy triệu tập phiên tòa nhưng tòa án vẫn xử vắng mặt anh và người đại diện theo ủy quyền của anh, gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của gia đình anh. Chị Trxin chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với lý do để mẹ con chị có cuộc sống ổn định, Tòa thụ lý giải quyết là trái pháp luật. Và yêu cầu thay đổi Thẩm phán của anh không được chấp nhận ảnh hưởng đến quyền lợi của anh.

- Nhà và đất trên thửa số 901, tờ bản đồ số 03 diện tích 75m<sup>2</sup> tại khối Bắc, xã D, huyện D là tài sản anh mượn của anh trai Ngũ Duy S và chị Trần Thị L , Tòa án xem xét chia tài sản chung liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh và anh Ngũ Duy S , chị Trần Thị L ngày 25/11/2013 và giao nhà và đất này cho anh là trái pháp luật nghiêm trọng;

- Hai thửa đất số 1371 và thửa đất số 789 là do anh vay tiền của anh Nguyễn Trung Th số tiền 1.050.000.000 đồng, mới trả được 200.000.000đ; còn nợ 850.000.000đ chưa trả, nhưng Tòa án bác yêu cầu của anh là không đúng; Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

Ngày 02/3/2020, anh Ngũ Duy H kháng cáo với nội dung: Tài sản của vợ chồng anh trên thửa đất số 789 tờ bản đồ số 04, diện tích 283m<sup>2</sup>, tại xã D, huyện d, tỉnh Nghệ An gồm một ngôi nhà cấp 4, công trình phụ khép kín, giếng nước, sân phơi, tổng giá trị là 187.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu toàn bộ tài sản mà anh đã xây dựng, tiền rà roát phần mộ còn sót, tiền đất tôn tạo, tiền trồng cây quanh vườn, tiền xây dựng công trình nhà ở tổng 187.000.000 đồng. Anh không đồng ý trả tiền tài sản của anh trên đất, yêu cầu anh Ngũ Hồng Hphải trả.

Ngày 02/3/2020, anh Nguyễn Trung Th kháng cáo với nội dung: Anh Ngũ Hồng Hđã vay tiền của anh hai lần với tổng số tiền là 1.050.000.000 đồng, không tính lãi suất, có viết giấy vay nhận tiền để mua hai mảnh đất thửa số 1371 và thửa số 789. Hiện anh H đã trả cho anh số tiền 200.000.000 đồng, còn nợ anh 850.000.000 đồng.

Anh H, chị Tr không trả tiền vay cho anh thì anh yêu cầu trả cho anh một trong hai thửa đất nói trên. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Ngũ Hồng Hgiữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận tự nguyện của anh H giao cho chị Tr được sử dụng thửa đất 901, sở hữu nhà, các tài sản trên đất tại thửa đất 901, tờ bản đồ số 03 tại khối Bắc, xã Diễn Hồng; còn anh nhận hai thửa đất số 1371 tại xóm Trung Hồng, xã D và thửa đất 789 tại xã D; hai bên không phải trích chênh lệch tài sản cho nhau.

Anh Ngũ Duy H thừa nhận trị giá tài sản của vợ chồng anh đã tạo lập trên thửa đất 789 tại xã D theo kết quả định giá lại ngày 10/7/2020. Tuy nhiên, nếu Tòa án giao cho anh H là anh trai của anh sử dụng thửa đất, nên tại phiên tòa phúc thẩm anh H chưa yêu cầu anh H phải thanh toán giá trị tài sản trên đất cho vợ chồng anh H.

Anh Nguyễn Trung Th là người kháng cáo, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các bên đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của anh Ngũ Hồng H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận sự thỏa thuận giữa anh H và chị Tr tại phiên tòa phúc thẩm; giao cho chị Tr sử dụng thửa đất 901 và sở hữu nhà, các công trình trên thửa đất số 901 tại khối Bắc, xã D; giao cho anh H sử dụng thửa đất số 1371 tại xóm Trung Hồng, xã D và thửa đất số 789 tại xã D; xét công sức trong việc tạo lập khối tài sản chung cần buộc anh H trích cho chị Tr 100.000.000 đồng để sửa chữa nhà. Chấp nhận sự tự nguyện chưa yêu cầu về phần tài sản trên thửa đất của anh Ngũ Duy H; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Trung Th và tuyên dành quyền khởi kiện về khoản nợ cho anh Th; dành quyền khởi kiện về nghĩa vụ thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông S, bà L và anh H, chị Tr bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H đã được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét nội dung kháng cáo của anh Ngũ Hồng H thấy rằng: Anh Ngũ Hồng H và chị Phan Thị Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An ngày 09/4/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 1/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống chung giữa hai người không phù hợp với nhau. Hiện anh H làm ăn sinh sống tại tỉnh Quảng Ninh và vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau kể cả

vật chất lẫn tinh thần. Trong thời gian chung sống, vợ chồng tạo lập được khối tài sản chung gồm; nhà, quyền sử dụng đất và một số vật dụng sinh hoạt trong gia đình. Để đảm bảo quyền sở hữu, sử dụng về tài sản chị Phan Thị Trà yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ tính năng và công sức đóng góp của mỗi bên tiến hành chia cho chị Phan Thị Trà và anh Ngũ Hồng Hsở hữu, sử dụng là có căn cứ quy định tại khoản 1, 3 Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và quy định tại khoản 2 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét nội dung kháng cáo của anh H yêu cầu thay đổi Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm thấy rằng: Vụ án được cấp sơ thẩm thụ lý ngày 16/6/2016, do anh Ngũ Hồng H cư trú ở địa bàn tỉnh khác. Cấp sơ thẩm tiến hành các thủ tục tố tụng, thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H nhiều lần không đạt kết quả. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 30/8/2017 anh Ngũ Hồng H có đơn yêu cầu thay đổi Thẩm phán với lý do thẩm phán sơ thẩm và nguyên đơn là người cùng xã có quan hệ thân thiết nên không vô tư khi giải quyết vụ án. Tại Công văn số 2391 ngày 05/9/2017 Chánh án Tòa án nhân dân D xác định; nội dung yêu cầu thay đổi thẩm phán của anh Ngũ Hồng H không có căn cứ chấp nhận. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 08/01/2020 anh H ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Gi tham gia tố tụng, ông Giảng cũng có yêu cầu thay đổi thẩm phán Chủ tọa phiên tòa nhưng không có căn cứ để chấp nhận.

Xét nội dung kháng cáo của anh Ngũ Hồng H cho rằng; Thửa đất số 901 và ngôi nhà cấp 4, các công trình tọa lạc trên thửa số 901, tờ bản đồ số 03 diện tích 75m<sup>2</sup> tại khối Bắc, xã D không phải là tài sản chung của vợ chồng thấy rằng: Thửa đất số 901, tờ bản đồ số 03 diện tích 75m<sup>2</sup> (Đã trừ hành lang giao thông Quốc lộ 1A) và ngôi nhà cấp bốn, các công trình đi kèm tọa lạc trên thửa đất tại khối Bắc, xã D, huyện D có nguồn gốc: Năm 2009 UBND huyện D, tỉnh Nghệ An cấp cho vợ chồng ông S, bà L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 938177 ngày 02/6/2009 mang tên ông Ngũ Duy S (Anh trai anh H). Ngày 25/11/2013 vợ chồng ông Ngũ Duy S và bà Trần Thị L làm hợp đồng chuyển nhượng cho vợ chồng anh Ngũ Hồng H và chị Phan Thị Tr. Sau khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoàn thành và được chứng thực theo quy định; ngày 31/12/2013 UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0378677 mang tên anh Ngũ Hồng H và chị Phan Thị Tr đối với thửa đất. Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Ngũ Duy S và bà Trần Thị L cho rằng: Diện tích thửa đất, ngôi nhà trên đất là của vợ chồng ông S, bà L chỉ cho vợ chồng anh H, chị Tr mượn chứ không chuyển nhượng; Vì dấu vân tay trong hợp đồng chuyển nhượng không phải là dấu vân tay *ngón trỏ phải* của ông S (Vì thực tế ngón tay này của ông S bị tật không thể điểm chỉ). Tuy nhiên, tại Biên bản đối chất giữa vợ chồng ông S, bà L và chị Tr ngày 03/10/2017 (Bl, 133), ông S, bà L đều thừa nhận chữ ký tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/11/2013 ông S, bà L ký và Văn phòng công chứng số 2 cũng xác định có việc vợ

chồng ông S , bà L ký và điểm chỉ vào hợp đồng nhưng do lỗi kỹ thuật đánh máy “Ngón trở phải”. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Ngũ Duy S và bà Trần Thị L yêu cầu vợ chồng anh H, chị Tr trả lại thửa đất do UBND huyện D cấp cho vợ chồng anh H, chị Tr ngày 31/12/2013, không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/01/2020 vợ chồng ông S và bà L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đòi lại thửa đất vắng mặt, đã nhận được bản sao bản án sơ thẩm và ông S , bà L không kháng cáo. Do đó, cấp sơ thẩm bác yêu cầu của vợ chồng ông S, bà L về việc đòi lại thửa đất cho mượn là có căn cứ. Vì vậy, anh Ngũ Hồng H cho rằng thửa đất, ngôi nhà trên đất là của vợ chồng ông S, bà L cho mượn là không có cơ sở để chấp nhận. Và tại phiên tòa phúc thẩm ông S cũng xác định và thừa nhận; vợ chồng ông S, bà L đã lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất cho vợ chồng anh H, chị Tr và đã được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên vợ chồng H , Tr . Còn việc ông S cho rằng, vợ chồng anh H, chị Tr chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán hết số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 901 tại khối Bắc, xã D thì ông S, bà L có thể khởi kiện anh H, chị Tr bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm anh Ngũ Hồng H và chị Phan Thị Tr đều yêu cầu định giá lại các loại tài sản. Tại kết quả định giá lại các loại tài sản ngày 10/7/2020 xác định, các loại tài sản chung tăng lên; quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm chị Tr cũng xác định và thừa nhận; anh H có công sức lớn hơn trong việc tạo lập khối tài sản chung. Mặt khác xét tính năng, nhu cầu sử dụng, anh H hiện đang làm ăn, cư trú tại tỉnh Quảng Ninh, chị Tr đang phải nuôi con nhỏ là con chung của vợ chồng rất cần có nơi ở để ổn định cuộc sống. Và tại phiên tòa phúc thẩm anh Ngũ Hồng H và chị Phan Thị Tr thống nhất thỏa thuận, giao cho chị Tr được sử dụng thửa đất 901 và được sở hữu ngôi nhà cấp bốn, các công trình đi kèm trên thửa đất 901, tại khối Bắc, xã D; còn anh H sử dụng 02 thửa đất 789, tại xã D và thửa đất 1371 tại xóm Trung Hồng, xã D, tài sản trên thửa đất 789 của vợ chồng anh H , chị Ph ; anh H và vợ chồng anh H tự thỏa thuận giải quyết với nhau là phù hợp. Do đó cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của anh Ngũ Hồng H , sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Giao cho anh H được sở hữu, sử dụng thửa đất 1371 tại xóm Trung Hồng, xã D, huyện D, diện tích 239m<sup>2</sup> trị giá 1.075.500.000 đồng và thửa đất số 789 tại xóm D (Nay xóm H) diện tích 283m<sup>2</sup> trị giá 707.500.000; các loại tài sản trên thửa đất 789 của vợ chồng anh H, chị Ph trị giá 98.814.000 đồng, anh H và vợ chồng anh H tự thỏa thuận với nhau về các loại tài sản trên đất; giao cho chị Tr sở hữu, sử dụng thửa đất số 901 tại khối Bắc, xã D, huyện D và ngôi nhà cấp bốn, các công trình trên đất trị giá 1.265.000.000 đồng. Xét công sức của anh H trong việc tạo lập khối tài sản chung nên anh H không phải trích chênh lệch cho chị Tr.



Xét các nội dung kháng cáo của anh Ngũ Duy H: Mặc dù vụ án kéo dài, nhiều lần đưa vụ án ra xét xử và trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho vợ chồng anh H, chị Phnhiều lần, nhưng vợ chồng anh H, chị Phkhông có mặt. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm anh H, chị Phđã nhận được bản sao bản án sơ thẩm và anh H đã thực hiện quyền kháng cáo. Do đó việc cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt vợ chồng anh H, chị Phkhông ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của anh H, chị Phưong.

Đối với yêu cầu của anh H về trị giá tài sản trên đất và công sức tôn tạo đất. Thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng anh H, chị Phxác định và thừa nhận, vợ chồng anh H mượn đất của vợ chồng anh H, chị Trnăm 2012 không có hợp đồng mà chỉ nói với nhau bằng miệng cũng không xác định thời hạn cho mượn đất và việc xây dựng các công trình trên đất vợ chồng anh H, chị Trkhông có ý kiến gì. Nay phải trả lại đất, cấp sơ thẩm buộc người nhận phần đất phải thanh toán toàn bộ trị giá tài sản trên đất cho vợ chồng anh H là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm theo yêu cầu của chị Trà, Hội đồng định giá xác định tài sản trên đất do vợ chồng anh H tạo lập hiện tại có tổng trị giá là 24.468.000 đồng. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, anh Ngũ Duy H và anh Ngũ Hồng Hyêu cầu định giá lại tài sản. Tại kết quả định giá lại tài sản ngày 10/7/2020, Hội đồng định giá xác định trị giá các loại tài sản trên đất của vợ chồng anh H, chị Phcó tổng trị giá là 98.814.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Ngũ Duy H cho rằng thửa đất 789 có các loại tài sản của vợ chồng anh trên đất, nay giao cho anh H là anh trai của anh, nên vợ chồng anh H chưa yêu cầu anh H phải thanh toán trị giá tài sản trên đất mà các bên tự thỏa thuận với nhau. Xét đây là ý kiến tự nguyện của anh H, cần chấp nhận dành quyền yêu cầu cho các bên bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Xét kháng cáo của anh Ngũ Hồng Hvề khoản nợ của anh Nguyễn Trung Th : Anh H cho rằng, trong năm 2012 vợ chồng anh H, chị Trvay của anh Th 2 lần tổng số tiền 1.050.000.000 đồng đã trả 200.000.000 đồng còn nợ 850.000.000 đồng, thấy rằng: Hai giấy vay tiền đề ngày 01/02/2012 và 30/5/2012 do anh Nguyễn Trung Th nạp cho Tòa án làm căn cứ để yêu cầu trả nợ, nhưng tại lời khai ngày 21/11/2017 (Bl, 150) anh Th lại khai việc cho vợ chồng anh H, chị Trvay tiền anh không nhớ ngày tháng cho vay. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án anh Ngũ Hồng Hcho rằng cho rằng, 02 khoản vay là vợ chồng vay anh Th để mua đất nhưng ngày 09/4/2012 thì anh H, chị Trmới kết hôn với nhau và việc mua 2 thửa đất số 789 tại xã Dg, huyện D diện tích 283m<sup>2</sup> thực hiện ngày 01/6/2012 với giá 160.000.000 đồng; thửa đất số 1371 tại xã D, huyện D tỉnh Nghệ An 239m<sup>2</sup> thực hiện ngày 09/5/2013 với giá 100.000.000 đồng là không phù hợp với số tiền và thời gian vay tiền giữa anh Thành và anh H. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh H về khoản nợ anh Thành là nợ chung là có căn cứ. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã yêu cầu anh Thành nộp tiền tạm ứng án phí cho việc yêu cầu khoản nợ,

nhưng anh Thà không nộp, đáng lẽ ra cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của anh Th về khoản nợ và dành quyền khởi kiện cho anh Thành về khoản nợ bằng vụ kiện dân sự khác. Cấp phúc thẩm khắc phục bổ sung, nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về giá trị tài sản mà các bên được nhận nên cần sửa án phí sơ thẩm cho phù hợp.

Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh H, anh H được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Anh Thành phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Về chi phí thẩm định, định giá và định giá lại tài sản: Người yêu cầu tự nguyện chịu toàn bộ, đã thực hiện xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của anh Ngũ Hồng H và anh Ngũ Duy H; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Trung Th. Sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng Điều 26, 28, 35; khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự và các Điều 28, 33, 38, 39 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên xử: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh H và chị Tr :

1. Giao cho anh Ngũ Hồng H được quyền sử dụng, sở hữu các tài sản gồm:

1.1. Thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 03 tại xóm Trung Hồng, xã D, h D, tỉnh Nghệ An, diện tích 239m<sup>2</sup> trị giá 1.075.500.000 đồng; thửa đất có tứ cận (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất): Phía Tây giáp đường giao thông nông thôn, có chiều rộng 7,5m; Phía Nam giáp đất nhà anh Song có chiều dài 31,9m; Phía bắc giáp đất nhà anh Năm có chiều dài 31,9m; Phía đông giáp đất nhà ông Sáu có chiều rộng là 7,5m.

1.2. Thửa đất số 789, tờ bản đồ số 04 tại xóm T (Nay xóm H) xã D, huyện D, Nghệ An, diện tích 283m<sup>2</sup> trị giá 707.500.000 đồng; Thửa đất có tứ cận (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất): Phía tây giáp đường giao thông nông thôn, có chiều rộng 8m; Phía Nam giáp đất nhà ông Bình có chiều dài 30m; Phía bắc giáp đường giao thông nông thôn, có chiều rộng 28,5m; Phía đông giáp đất nông nghiệp có chiều rộng là 9,5m.

Tổng 02 loại 1.783.000 đồng.

\* Ghi nhận sự tự nguyện giữa anh Ngũ Duy H và anh Ngũ Hồng H tự giải quyết về các loại trên thửa đất số 789 tại xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An trị giá 98.814.000 đồng của vợ chồng anh Ngũ Duy H và chị Đậu Thị Ph g chưa yêu cầu;

Tổng trị giá tài sản anh Ngũ Hồng Hsau khi trừ trị giá tài sản trên đất của vợ chồng anh H, chị Phcòn được hưởng 1.684.186.000 đồng.

2. Giao cho chị Phan Thị Tr quyền sử dụng 171m<sup>2</sup> đất ở tại thửa 901, tờ bản đồ số 3, tại khối Bắc, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; trong đó có 75m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trị giá 1.050.000.000 đồng và tạm giao 96m<sup>2</sup> đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (96m<sup>2</sup> đất nằm trong hành lang giao thông) và chị Trđược sở hữu toàn bộ nhà và tài sản trên đất thửa đất 901, trị giá 184.800.000 đồng; có tổng giá trị là 1.234.800.000 đồng; Thửa đất có tứ cận (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất): Phía Bắc giáp đất nhà anh Nguyễn Sỹ H có chiều dài 35,72m; Phía Nam giáp nhà anh Đậu Văn Th có chiều dài 36,1m; Phía Tây giáp đường Quốc lộ 1A có chiều rộng là 4,64m; Phía Đông giáp đất UBND xã D có chiều rộng là 4,93m.

Tổng trị giá tài sản chị Phan Thị Tr được chia 1.234.800.000 đồng.

(Anh Ngũ Hồng Hvà chị Phan Thị Tr có quyền và nghĩa vụ thi hành án giao tài sản cho nhau theo quyết định bản án).

3. Bác yêu cầu của anh Ngũ Duy S và bà Trần Thị L đòi lại quyền sử dụng đất tại thửa 901 tại khối Bắc, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Dành quyền khởi kiện cho vợ chồng ông Ngũ Duy S và bà Trần Thị L về nghĩa vụ thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 901 tại khối Bắc, xã D, huyện D, Nghệ An bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Bác yêu cầu của anh Ngũ Hồng Hyêu cầu chị Phan Thị Tr phải có nghĩa vụ trả nợ chung cho anh Nguyễn Trung Th . Anh Nguyễn Trung Th có quyền khởi kiện lại đối với khoản nợ khi có yêu cầu.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Chị Phan Thị Tr phải chịu 49.044.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 21.639.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự D, Nghệ An theo biên lai thu số 0002452 ngày 15/6/2016.

5.2. Anh Ngũ Hồng Hphải chịu 62.525.580 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về án phí phúc thẩm:

6.1. Hoàn trả cho anh Ngũ Hồng H , anh Ngũ Duy H mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự D, Nghệ An theo các Biên lai thu số 0005024 ngày 02/3/2020 (anh H); số 0005025 ngày 02/3/2020 (anh H);

6.2. Anh Nguyễn Trung Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự D, Nghệ An theo Biên lai số 0005023 ngày 02/3/2020 (anh Th ).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND huyện D
- Chi cục THADS D;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Phần**